

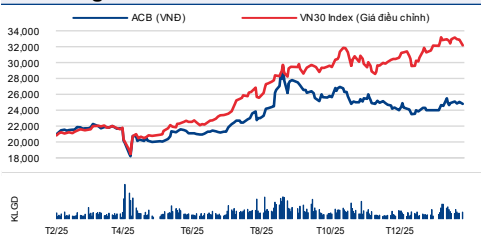
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ32,300
Tiềm năng tăng/giảm: 30.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/1/2026)	24,700
Mã Bloomberg	ACB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,214-29,450
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	24,850
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	126,874
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,855
Slg CP lưu hành (tr.đv)	5,137
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,541
Slg CP NN được mua (tr.đv)	27.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.5%
Tỷ lệ freefloat	77.2%
Cổ đông lớn	Capital Group Cos (4.54%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	864	1,014	1,177
Dư nợ cho vay (ntđ)	581	690	801
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	33.5	34.3	38.8
Lợi nhuận thuần (ntđ)	16.8	17.6	20.3
BVPS (đồng)	16,248	18,786	21,701
EPS (đồng)	3,269	3,436	3,955
DPS (đồng)	756	870	1,000
T.trường cho vay KH (%)	19.1	18.8	16.1
T.trường thu nhập HĐ (%)	2.35	2.42	13.1
Tăng trưởng EPS (%)	4.64	5.12	15.1
Tăng trưởng DPS (%)	15.0	15.0	15.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	23.1	25.3	25.3
ROAE (%)	21.7	19.6	19.5
ROAA (%)	2.12	1.88	1.85
Tỷ lệ NIM (%)	3.60	2.93	2.91
Tỷ lệ CIR (%)	32.5	31.2	29.0
Hệ số CAR (%)	11.8	11.7	11.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.49	1.15	1.20
LLR/nợ xấu (%)	77.9	82.0	79.2
Hệ số LDR (%)	108	113	113
P/B (lần)	1.52	1.31	1.14
P/E (lần)	7.56	7.19	6.25
Lợi suất cổ tức (%)	3.06	3.52	4.05

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Á Châu là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất tại Việt Nam, tập trung vào phân khúc khách hàng cá nhân và DN/VN.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q4 không đạt kỳ vọng do trích lập dự phòng một lần

- LNTT Q4 của ACB giảm 38,9% do chi phí dự phòng tăng mạnh sau khi áp dụng phương pháp trích lập thận trọng hơn. LNTT cả năm 2025 giảm 7% và hoàn thành 89% dự báo cả năm của chúng tôi.
- Nền tảng cơ bản vẫn vững chắc với tăng trưởng tín dụng đạt 18,6% trong năm 2025, tỷ lệ NIM ổn định so với quý trước ở mức 2,95% trong khi chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện với tỷ lệ nợ xấu & tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR được cải thiện.
- HSC đánh giá khoản trích lập dự phòng tăng mạnh là chi phí mang tính không thường xuyên và chỉ là phương pháp hạch toán thay vì phản ánh sự suy yếu của chất lượng tài sản. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 ngày 28/1/2026

ACB đã công bố KQKD Q4/2025 với LNTT đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, giảm 38,9% so với cùng kỳ, thấp hơn so với dự báo của chúng tôi. LNTT cả năm 2025 đạt 19,5 nghìn tỷ đồng, giảm 7% so với cùng kỳ, chỉ hoàn thành 89% dự báo cả năm của chúng tôi.

LNTT sụt giảm do chi phí dự phòng tăng mạnh

Lợi nhuận sụt giảm mạnh trong Q4/2025 chủ yếu do chi phí dự phòng tăng mạnh lên 1,96 nghìn tỷ đồng từ mức nền thấp trong Q4/2024. Theo Ngân hàng, lợi nhuận sụt giảm chủ yếu do áp dụng phương pháp trích lập dự phòng mới theo Nghị định 86, có hiệu lực từ ngày 11/7/2024. Theo quy định này, các khoản vay thuộc nhóm 5 trên 2 năm không được phép khấu trừ giá trị tài sản đảm bảo trước khi trích lập dự phòng, từ đó làm tăng chi phí dự phòng một lần tại thời điểm thay đổi phương pháp hạch toán.

Điều quan trọng là việc tăng chi phí dự phòng không xuất phát từ nợ xấu gia tăng. Do đó, chúng tôi cho rằng chi phí dự phòng tăng lên có thể không quá tiêu cực do điều này chỉ xuất phát từ phương pháp hạch toán thận trọng hơn và mang tính chất không thường xuyên. Từ đó, yêu cầu trích lập dự phòng có thể giảm xuống trong các kỳ sắp tới.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD, ACB

LNTT Q4/2025 của ACB giảm 39% so với cùng kỳ do chi phí dự phòng tăng mạnh

	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	7,080	7,093	0.2%	27,795	26,906	-3.2%	100.0%
Thu nhập ngoài lãi	1,478	1,113	-24.7%	5,719	6,892	20.5%	92.9%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	869	894	2.9%	3,239	3,147	-2.8%	100.6%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	344	137	-60.2%	1,170	1,732	48.0%	82.3%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	187	-1	-100.7%	650	871	34.0%	96.5%
Thu nhập khác	73	43	-40.2%	623	1,023	64.2%	85.4%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	5	39	616.9%	37	119	225.1%	140.2%
Tổng thu nhập HĐ	8,558	8,206	-4.1%	33,514	33,798	0.8%	98.5%
Chi phí HĐ	-2,739	-2,782	1.6%	-10,903	-10,924	0.2%	101.8%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	5,819	5,424	-6.8%	22,612	22,873	1.2%	96.9%
Chi phí dự phòng	-148	-1,957	1225%	-1,606	-3,335	107.6%	219.9%
LNTT	5,671	3,467	-38.9%	21,006	19,539	-7.0%	88.5%
Lợi nhuận thuần	4,545	2,785	-38.7%	16,789	15,625	-6.9%	88.5%

Nguồn: ACB, HSC

Tín dụng tăng 18,6% năm 2025, huy động tăng 12,4%

Tăng trưởng tín dụng tăng 2,9% so với quý trước trong Q4/2025, tương đương tăng trưởng cả năm đạt 18,6%, trong đó tín dụng Ngân hàng mẹ tăng 17,5% và dư nợ cho vay ký quỹ tại ACB Securities (ACBS, Chưa niêm yết) tăng gần 100% so với cùng kỳ. Cơ cấu cho vay theo phân khúc, phân khúc MMLC dẫn đầu tăng trưởng (tăng 62%), tiếp theo là phân khúc DNNVV và khách hàng cá nhân, đều tăng 13%. Nhìn chung, tăng trưởng tín dụng sát với giả định của chúng tôi.

Vốn huy động tăng trưởng vừa phải hơn, đạt 12,4% so với cùng kỳ và tăng 5% so với quý trước. Giấy tờ có giá tăng 17,6% so với quý trước trong Q4/2025 sau khi thu hẹp trong Q3/2025. Hệ số LDR điều chỉnh (tổng tín dụng/tổng nguồn vốn) ở mức 95,8%, giảm so với 97,8% trong Q3/2025 nhưng vẫn cao hơn mức 91% đầu năm, cho thấy sức ép huy động vẫn tiếp diễn.

Tỷ lệ NIM ổn định so với quý trước

Tỷ lệ NIM Q4/2025 đạt 2,95%, đi ngang so với quý trước và giảm 57 điểm cơ bản so với cùng kỳ, cho thấy áp lực chi phí huy động cao tiếp tục hiện hữu, mặc dù tốc độ thu hẹp đã chậm lại so với các quý trước.

Về phía tài sản, lợi suất cho vay đã cải thiện lên 7,54% trong Q4/2025, tăng 16 điểm cơ bản so với quý trước, quý phục hồi thứ 2 liên tiếp. Ngược lại, chi phí huy động tiếp tục xu hướng tăng, tăng lên 4,13%, tăng 14 điểm cơ bản so với quý trước, chủ yếu do mặt bằng lãi suất tiền gửi cao hơn.

BLĐ kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ tiếp tục chịu sức ép trong Q1/2026 từ phía chi phí huy động. Tuy nhiên, do nguồn cung tín dụng thắt chặt, tỷ lệ NIM nhiều khả năng sẽ cải thiện trong năm.

Thu nhập ngoài lãi: Biến động theo quý nhưng vững chắc trong cả năm

Thu nhập ngoài lãi giảm 24,7% so với cùng kỳ trong Q4/2025 chủ yếu do lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và lãi mua bán trái phiếu sụt giảm. Tuy nhiên, trong cả năm, thu nhập ngoài lãi tăng trưởng 20,5% nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và thu nhập từ thu hồi nợ xấu phục hồi, giúp giảm bớt sức ép khi thu nhập lãi thuần sụt giảm. Theo BLĐ, hoa hồng bancassurance sụt giảm trong năm thứ 3 liên tiếp, giảm 17% so với cùng kỳ.

Động lực tăng trưởng trong năm 2026 có thể xuất phát từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới chứng khoán và phí bảo hiểm phục hồi, bao gồm đóng góp từ mảng kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ dự kiến sẽ được thành lập trong năm nay.

Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện

Các chỉ số chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện so với quý trước. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 0,97% từ 1,49% năm ngoái, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 0,36% từ 0,48%. Theo BLĐ, tỷ lệ nợ xấu giảm ở tất cả các phân khúc.

Nợ xấu mới hình thành duy trì ở mức gần bằng 0 trong 3 quý liên tiếp nhờ tình hình tài chính của khách hàng cải thiện cùng các nỗ lực tái cấu trúc. Sau khi chi phí dự phòng tăng lên, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR mở rộng lên 114% từ mức 70-80% trong 7 quý vừa qua.

Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt

Chi phí hoạt động tăng 1,6% so với cùng kỳ trong Q4/2025. Hệ số CIR ở mức 33,9%, nhìn chung ổn định, trong khi tỷ lệ chi phí hoạt động/tín dụng tiếp tục giảm xuống 1,6% từ 1,7-1,8% trong 3 quý trước, cho thấy chi phí tiếp tục được kiểm soát tốt.

Trong năm 2025, hệ số CIR và tỷ lệ chi phí hoạt động/vốn CSH lần lượt ở mức 32,3% và 1,7%, giảm từ lần lượt 32,5% và 2% trong năm 2024.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào

Chúng tôi cho rằng việc chi phí dự phòng tăng lên chủ yếu chỉ là sự kiện mang tính một lần và có thể giúp nhu cầu trích lập dự phòng giảm xuống trong các kỳ tiếp theo. Theo đó, rủi ro giảm đối với dự báo cả năm 2026-2027 của chúng tôi là không lớn, thậm chí lợi nhuận có thể vượt dự báo nếu ACB xử lý và thu hồi nợ xấu đã xóa thành công.

ACB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,09 lần, thấp hơn 0,27 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 1,14 lần và thấp hơn 15% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, mặc dù có hệ số ROE cao hơn (19% so với 17,4%, dựa trên dự báo hiện tại của chúng tôi). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	52.3	50.9	58.8	71.9	86.4
Chi phí lãi	(27.4)	(23.1)	(31.9)	(40.7)	(46.5)
Thu nhập lãi thuần	25.0	27.8	26.9	31.2	39.9
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.92	3.24	3.13	3.51	4.21
Lãi thuần HĐ KDNH	1.11	1.17	2.10	2.60	3.03
Lãi/lỗ từ mua bán CK	2.82	0.65	0.90	0.47	0.62
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.08	0.04	0.09	0.09	0.09
Thu nhập khác	0.86	0.62	1.20	0.95	1.29
Tổng thu nhập HĐ	32.7	33.5	34.3	38.8	49.2
Chi phí HĐ	(10.9)	(10.9)	(10.7)	(11.3)	(14.6)
LN trước dự phòng	21.9	22.6	23.6	27.5	34.6
Chi phí dự phòng	(1.80)	(1.61)	(1.52)	(2.15)	(4.55)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	20.1	21.0	22.1	25.4	30.0
Chi phí thuế TNDN	(4.02)	(4.22)	(4.43)	(5.08)	(6.00)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	16.0	16.8	17.6	20.3	24.0
EPS (đồng)	3,124	3,269	3,436	3,955	4,675
DPS (đồng)	657	756	870	1,000	1,150
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,137	5,137	5,137	5,137	5,137
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,137	5,137	5,137	5,137	5,137
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,137	5,137	5,137	5,137	5,137

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	6.91	5.70	6.90	8.01	9.83
Tiền gửi tại NHNN	18.5	25.2	19.2	22.2	32.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	115	118	121	142	178
Chứng khoán kinh doanh	7.18	3.88	6.40	7.42	9.08
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.06	0	0	0
Số dư cho vay thuần	482	574	683	793	919
Tổng dư nợ cho vay	488	581	690	801	929
Dự phòng rủi ro	(5.37)	(6.74)	(6.50)	(7.61)	(9.56)
Chứng khoán đầu tư	73.5	121	158	183	223
CK đầu tư sẵn sàng để bán	44.9	109	143	165	203
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	28.6	12.2	14.8	17.1	21.0
Dự phòng rủi ro	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.14	0.12	0.13	0.13	0.13
Tài sản cố định	4.94	5.59	5.55	5.75	6.25
Tài sản khác	10.6	10.5	13.6	15.9	18.3
Tổng tài sản	719	864	1,014	1,177	1,397
Nợ phải trả	648	781	918	1,065	1,268
Tiền gửi của NHNN	0.00	7.95	20.8	24.1	0.07
Tiền gửi của các TCTD khác	89.5	112	107	124	139
Tổng tiền gửi KH	483	537	613	712	929
Trái phiếu và CCTG	52.4	102	153	178	164
Nợ khác	23.1	22.0	23.5	27.2	35.3
Vốn chủ sở hữu	71.0	83.5	96.5	111	129
Vốn điều lệ	38.8	44.7	51.4	59.1	67.9
Thặng dư vốn cổ phần	0.27	0.27	0.27	0.27	0.27
Lợi nhuận giữ lại	20.3	23.7	26.7	30.5	35.4
Quỹ & vốn khác của CSH	11.6	14.8	18.1	21.7	25.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	719	864	1,014	1,177	1,397
BVPS (đồng)	13,814	16,248	18,786	21,701	25,180

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	18.2	20.2	17.4	16.0	18.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	17.9	19.1	18.8	16.1	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.6	11.3	14.1	16.1	30.5
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.8	19.4	19.9	16.1	22.8
Tăng trưởng VCSH (%)	21.4	17.6	15.6	15.5	16.0
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	6.06	11.4	(3.19)	16.0	27.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	(6.30)	0.26	(1.61)	5.04	29.5
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	27.3	3.38	4.37	16.7	25.5
Tăng trưởng LNTT (%)	17.3	4.67	5.13	15.0	18.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	17.2	4.64	5.12	15.1	18.2

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.94	4.23	3.66	3.54	3.82
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.64)	(1.38)	(1.14)	(1.03)	(1.13)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	97.2	97.7	97.8	97.8	97.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.40	2.52	2.64	2.95	3.40
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	41.8	43.3	45.3	52.1	58.6

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	7.91	7.56	7.19	6.25	5.28
P/B (lần)	1.79	1.52	1.31	1.14	0.98
Lợi suất cổ tức (%)	2.66	3.06	3.52	4.05	4.66

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	49.0	50.1	51.4	52.3	48.8
ROAA (%)	2.42	2.12	1.88	1.85	1.87
ROAE (%)	24.8	21.7	19.6	19.5	19.9
Chi phí huy động BQ (%)	4.76	3.34	3.86	4.21	4.10
Lợi suất góp BQ (%)	8.12	6.58	6.41	6.71	6.86
Lợi suất thuần (%)	3.36	3.24	2.54	2.50	2.76
Tỷ lệ NIM (%)	3.87	3.60	2.93	2.91	3.17
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.92	9.66	9.11	9.04	8.56
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	76.2	82.9	78.4	80.4	81.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.9	7.40	12.5	10.6	10.2
Tỷ lệ CIR (%)	33.2	32.5	31.2	29.0	29.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.0	23.1	25.3	25.3	24.6

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.5	11.8	11.7	11.8	11.7
VCSH/Tổng TS (%)	9.87	9.66	9.52	9.47	9.26
Đòn bẩy vốn (lần)	10.1	10.4	10.5	10.6	10.8

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.21	1.49	1.15	1.20	1.10
Hệ số LLR (%)	91.2	77.9	82.0	79.2	93.6

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	101	108	113	113	100
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	14.3	14.9	12.2	12.2	11.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	67.8	67.2	68.0	68.0	66.5

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	384	388	390	390	410
Số lượng nhân viên	13,655	13,290	13,024	13,154	14,469

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn